BÀI: NGỮ ÂM /ə/ & /ɜ:/

UNIT 1: MY HOBBIES

MÔN: TIẾNG ANH - LỚP 7

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Tổng hợp lý thuyết Ngữ âm Unit 1. My Hobbies tiếng Anh 7 chương trình mới

I. Âm /ə/

1. Mô tả:

- Nguyên âm ngắn
- Tưởng tượng như bị đấm vào bụng và phát ra âm thanh này
- E.g: banana, tomato, problem

2. Cách nhận diện âm /ə/:

STT	Chữ cái/ Nhóm chữ cái	Ví dụ
1	Nhóm [a] trong âm tiết không được nhấn	separate, balance, ability, apply, agree
2	Nhóm [e] trong âm tiết không được nhấn	silent, open, generous, different, sentence
3	Nhóm [o] trong âm tiết không được nhấn	compare, complete, control, continue, handsome
4	[ure]	temperature, literature, future

II. Âm /ɜ:/

1. Mô tả:

- Nguyên âm dài
- Miệng và lưỡi thả lỏng
- E.g: bird, world, turn, journey

2. Cách nhận diện âm /ɜ:/

STT	Chữ cái / Nhóm chữ cái	Ví dụ
1	[ir]	bird, first, birthday, circle, thirty, shirt, girl
2	[or]	word, work, world, worse, worst, worm
3	[ur]	turn, Thursday, fur, burn, hurt, nurse, curse, blur, urge, curb
4	[our]	journey, journal
5	[ear]	early, earth, heard, learn, earn, pearl, search
6	[er]	service, Germany, prefer, verb, university, were, serve